

Số: /NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 09 tháng 02 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai**  
**thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**  
**KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 8**  
(Kỳ họp chuyên đề)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 252/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng

*Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-BKTNS ngày 08 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu như sau:

### **I. PHẠM VI, RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

Toàn bộ tỉnh Lào Cai với diện tích tự nhiên 13.256,92 km<sup>2</sup>, gồm 99 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 10 phường và 89 xã. Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với đường biên giới quốc tế dài khoảng 181,951 km; phía Nam giáp tỉnh Sơn La và tỉnh Phú Thọ; phía Đông giáp tỉnh Tuyên Quang và phía Tây giáp tỉnh Lai Châu.

### **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

#### **1. Quan điểm phát triển**

a) Bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, nhất là các quyết sách lớn, chiến lược của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Bảo đảm phát triển tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ và phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phát triển nhanh và bền vững, thực hiện tăng trưởng “hai con số” dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh về vị trí địa lý, hạ tầng kết nối, kinh tế cửa khẩu, tài nguyên khoáng sản, du lịch; tận dụng hiệu quả nguồn lực nội tại và bên ngoài; xây dựng và hoàn thiện thể chế, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới,... tạo đột phá xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng kinh tế của vùng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc.

c) Lấy con người là trung tâm, là động lực, là mục tiêu phát triển; chú trọng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng cống hiến; phát huy sức mạnh

văn hóa, con người Lào Cai thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở khu vực biên giới, trên các trụ cột: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm và thu nhập.

d) Tổ chức không gian phát triển của tỉnh Lào Cai bảo đảm tính kế thừa, thống nhất, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển của địa phương, chú trọng khai thác hiệu quả không gian phát triển mới do sáp nhập tỉnh và sắp xếp các đơn vị hành chính mang lại với “Trục động lực sông Hồng” là trung tâm. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nguồn nhân lực; hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng dựa trên lợi thế so sánh về kết nối quốc tế, kết nối liên vùng, liên tỉnh và tiềm năng phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế cả tỉnh phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, đối phó hiệu quả các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu; trong đó nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng - an ninh là điều kiện tiên quyết, phát triển kinh tế là trọng tâm; là tình hình mẫu trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## 2. Mục tiêu phát triển

### a) Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Đến năm 2030, tỉnh Lào Cai là cực tăng trưởng của vùng Trung du miền núi phía Bắc, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc; tăng trưởng kinh tế bảo đảm nhanh và bền vững dựa trên các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, kinh tế tư nhân...), cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện mạnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; quốc phòng – an ninh được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

### b) Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

#### - Về kinh tế:

+ Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 12,6%; Công nghiệp - Xây dựng 45,3%; Dịch vụ 35,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,4%.

+ Phân đầu đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2026-2030 từ 11%/năm trở lên.

+ Đến năm 2030 GRDP bình quân đầu người 150 triệu đồng.

+ Phân đầu đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20%.

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 32.000 tỷ đồng.

+ Tổng vốn đầu tư trên địa bàn 5 năm đạt 600.000 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 38%.

+ Số khách du lịch đến địa bàn đạt trên 15 triệu lượt người, doanh thu du lịch đạt 70.000 tỷ đồng.

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 12%/năm.

+ Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn đạt 10 tỷ USD.

+ Phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 18.000 doanh nghiệp, trong đó tỉ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 60%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP đạt trên 72%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động tăng bình quân trên 6,5%/năm.

- Về xã hội:

+ Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khoẻ mạnh phấn đấu đạt 68 năm.

+ Chỉ số hạnh phúc của người dân đến năm 2030 đạt 72%.

+ Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỉ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 42%.

+ Tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số 100%; số bác sĩ trên 10.000 dân: 15,5 bác sĩ, trong đó đến năm 2027 có tối thiểu 5 bác sĩ/trạm y tế; số giường bệnh trên 10.000 dân: 45 giường bệnh.

+ Tỉ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 85%; 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

+ Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 duy trì mức giảm 2,5-3 điểm %/năm.

+ Tỉ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đến năm 2030 đạt 50%.

- Chỉ tiêu về môi trường đến năm 2030

+ Tỉ lệ che phủ rừng duy trì mức 60%.

+ Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 95%; tỉ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

+ Tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.

+ Tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

+ Tỉ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

Lào Cai là trung tâm phát triển phía Bắc của cả nước; trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc và Châu Âu. Hiện thực hoá mục tiêu phát triển “xanh, hài hoà, bản sắc, hạnh phúc”.

### 3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá thời kỳ quy hoạch

#### a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thành mục tiêu xây dựng Lào Cai là cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; ưu tiên phát triển logistics thông minh, thương mại số qua cửa khẩu, quản trị chuỗi cung ứng dựa trên dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn chất lượng, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, gia tăng hàm lượng tri thức trong sản phẩm và dịch vụ.

- Tập trung thu hút đầu tư phát triển trục động lực dọc sông Hồng; hai cực phát triển (cực Bắc, cực Nam) tạo lan tỏa phát triển ba vùng kinh tế (vùng phía Đông, vùng phía Tây, vùng Trung tâm), đồng thời hình thành các không gian/điểm nút đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số gắn với khu/cụm công nghiệp, đô thị và du lịch; phát triển hạ tầng số, dữ liệu dùng chung, nền tảng số dùng chung, khuyến khích thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới (AI, IoT, tự động hóa) trong quản lý đô thị, công nghiệp chế biến, nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ du lịch.

- Tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm tiến bộ, công bằng, an sinh, phúc lợi xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, con người Lào Cai, gắn với phát triển xã hội số và nâng cao năng lực số cho người dân; mở rộng dịch vụ công trực tuyến, y tế số, giáo dục số; hỗ trợ chuyển đổi số cho hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ; phát triển du lịch thông minh gắn bảo tồn văn hóa, số hóa di sản, phát triển sản phẩm văn hóa - sáng tạo, qua đó tạo sinh kế bền vững và thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ giữa các vùng.

#### b) Các đột phá phát triển

- Đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách phát triển, khơi thông, giải phóng, huy động mọi nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển các trụ cột kinh tế.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại, có tính liên kết; trọng tâm là xây dựng hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và quốc tế, đa phương thức.

- Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lấy chuyển đổi số làm phương thức phát triển mới, gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

## III. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

### 1. Giải pháp thực hiện quy hoạch

#### a) Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, kiến nghị ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu

hút thêm các nguồn lực cho phát triển, bao gồm:

(1) Kiến nghị Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Lào Cai với vai trò là cực tăng trưởng, trung tâm kết nối vùng, tập trung vào phân cấp quản lý, ưu đãi đầu tư, và cơ chế tài chính - ngân sách.

(2) Cho phép tỉnh Lào Cai xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm giao thương kinh tế của khu vực ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc, hạt nhân là Khu hợp tác qua biên giới với chức năng đa ngành, trung tâm thương mại, tài chính, logistics, du lịch, được áp dụng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế quan, phi thuế quan, thủ tục hải quan điện tử, thanh toán xuyên biên giới, logistics thông minh, nhằm tạo ra một mô hình kinh tế cửa khẩu hiện đại, làm hình mẫu cho cả nước; cơ chế, chính sách đối với các vùng kinh tế động lực, trung tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, của vùng, thúc đẩy liên kết giữa vùng kinh tế động lực với các vùng khác trên địa bàn tỉnh; đầu tư hạ tầng đồng bộ đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh; phát triển, nâng cao chất lượng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, đô thị xanh, phát triển bền vững; tạo sức hút, phát triển các ngành dịch vụ; phát triển thị trường bất động sản theo hướng lành mạnh hướng đến nhu cầu thực; phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ hiện đại; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập trung ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của từng sở, ngành, địa phương và công bố công khai các thủ tục hành chính. Xây dựng, phát triển chính quyền số; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các sở, ngành, các xã, phường.

#### b) Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực

Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và Trung ương; tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và kết cấu hạ tầng xã hội.

Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư các dự án vào tỉnh trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp, đối tác đem theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại tạo tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển kinh tế của tỉnh; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Huy động nguồn vốn từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Rà soát, điều chỉnh các chính sách tài chính về đất đai để các chính sách này thực hiện được chức năng điều tiết trên thị trường; rà soát, sắp xếp để sử dụng có hiệu quả quỹ đất hiện do các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh quản lý.

Các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư: Tăng cường quản lý các khâu của quá trình đầu tư, xây dựng; gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư; nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quá trình thực hiện dự án, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn; định hướng, ban hành tiêu chí thu hút đầu tư có chọn lọc trong tình hình mới, phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh, theo hướng bền vững.

#### c) Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước; triển khai thực hiện một số chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đại học; Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

Xây dựng đề án về vấn đề việc làm để nhận diện ra sự thay đổi, biến động của thị trường lao động và vấn đề việc làm, đề án đào tạo và đào tạo lại nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đối với đội ngũ doanh nhân: Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

#### d) Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, diễn biến nhanh và mức độ phức tạp của các vấn đề môi trường.

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến xã, phường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp, nhất là ở các địa phương, ưu tiên cấp phường, xã, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái do trước đây để lại. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung, nhà máy xử lý rác thải tập trung.

#### đ) Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ

Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

Đưa khoa học, công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ của mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyên gia công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Định kỳ, thường xuyên làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn, từ đó xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung và quy mô phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm triển khai các biện pháp hỗ trợ, bảo đảm tính đồng bộ giữa các kế hoạch phát triển hạ tầng của địa phương (nguồn lực nhà nước) và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp (do doanh nghiệp đầu tư), bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

#### e) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất, tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Kiểm soát chặt việc sử dụng các loại đất rừng, tài nguyên, môi trường rừng và tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyên hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị, nhu cầu tăng trưởng kinh tế, yêu cầu phát triển xã hội.

## **2. Nguồn vốn thực hiện quy hoạch**

Trong giai đoạn 2026–2030, nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch khoảng 600.000 tỷ đồng, trong đó vốn khu vực nhà nước khoảng 171.000 tỷ đồng, chiếm 23%, vốn khu vực ngoài nhà nước khoảng 429.000 tỷ đồng chiếm 77%.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 02 năm 2026./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Quỳnh Khánh**